TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HC-ST
Ngày: 18-6-2018
Về việc Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai và hành vi không ra quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Ngọc Minh.

2. Ông Trần Ngọc Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-HC ngày 08 tháng 01 năm 2018 về "*khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai và hành vi không ra Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HC ngày 06/4/2018, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông **Bùi Thanh V**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp B, xã H, huyện P, Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Quốc V**, sinh năm 1978 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn N, huyện T, An Giang.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P;

2. Ủy ban nhân dân huyện P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đ** – chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P.

Cùng địa chỉ: Số 04, đường 30/4, khu phố 02, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

(Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Bùi Thanh V và đại diện theo ủy quyền ông Đào Quốc V trình bày:

Ngày 27/6/2014 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P ra Quyết định số 3200/QĐ-UBND thu hồi diện tích 6.023,5m^2 đất của ông Bùi Thanh V, loại đất rừng phòng hộ tọa lạc tại ấp 6, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện Dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái B, nhưng UBND huyện P không ra quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất này.

Nguồn gốc diện tích đất 6.023,5m^2 là của mẹ ruột ông V là bà Phùng Thị H khai khẩn từ năm 1988 để trồng đào, dừa, tràm bông vàng và có cất nhà trên đất để ở. Năm 2000, bà H cho lại ông V phần đất này. Quá trình sử dụng từ năm 1994, 1995 bà H đều có nộp thuế đất nông nghiệp, đất không tranh chấp với ai cho đến khi UBND huyện P ra quyết định thu hồi.

Ông V đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện P yêu cầu được xem xét bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 6.023,5m^2 và cây trồng, vật kiến trúc trên đất cho ông.

Ngày 02/8/2017 Chủ tịch UBND huyện P ra Quyết định số 7920/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông V, nội dung quyết định cho rằng: Diện tích 6.023,5m^2 đất thu hồi của ông Bùi Thanh V thuộc đất rừng phòng hộ theo Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao đất cho Ban Quản lý rừng Phòng hộ và Đặc dụng P. Khoảng năm 2000, Ban Quản lý rừng Phòng hộ và Đặc dụng P giao cho Hải quân trồng cây tràm bông vàng. Năm 2009, 2010 ông V vào khu vực đất Hải quân được giao để chiếm đất cất nhà và sử dụng cho đến khi bị thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái B. Do đó, việc ông V yêu cầu được xem xét bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 6.023,5m^2 và cây trồng, vật kiến trúc trên đất cho ông là không có cơ sở để chấp nhận.

Không đồng ý với nội dung giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, ngày 19/12/2017 ông Bùi Thanh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7920/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Chủ tịch UBND

huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Thanh V;

- Buộc UBND huyện P phải ra Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần đất có diện tích 6.023,5m^2 cho ông V theo giá tại thời điểm có quyết định.

- Ông V không yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại lại vì việc giải quyết khiếu nại kéo dài gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông V.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Ủy ban nhân dân huyện P: Đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng không có văn bản có ý kiến về vụ kiện theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Đào Quốc V đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Thanh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án để xét xử theo quy định của pháp luật.

- Người bị kiện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông V và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân nhân,Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân nhân,Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đối với người bị kiện UBND huyện P không có văn bản có ý kiến về vụ kiện, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Việc này gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án, vi phạm Điều 55, Điều 57 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án (Thông báo nộp thuế đất nông nghiệp; Giấy xác nhận của khu phố 6…) thể hiện diện tích đất của ông V bị thu hồi có nguồn gốc do mẹ của ông V là bà Phùng Thị H khai phá từ năm 1988. Năm 2000 bà H làm giấy tay cho lại ông V. Việc sử dụng đất của gia đình ông V là trước khi UBND tỉnh Kiên Giang giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng Phòng hộ và Đặc dụng P ngày (18/6/1998). Trên thực tế gia đình ông V vẫn sử dụng đất, Ban quản lý rừng Phòng hộ và Đặc dụng P chỉ quản lý trên sổ sách.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 44, điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ thì ông V đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, hủy Quyết định số 7920/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Thanh V; Buộc UBND huyện P phải ra Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần đất có diện tích 6.023,5m^2 cho ông V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm vụ án hành chính xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quyết định số 7920/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Thanh V đối với quyết định thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Quyết định số 7920/QĐ-UBND), là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai; yêu cầu buộc UBND huyện P ra quyết định bồi thường là khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

Ông Đào Quốc V đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Thanh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện Chủ tịch UBND huyện P, đồng thời là đại diện của UBND huyện P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 168 Luật Tố tụng hành chính để xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ kiện.

[2] Về nội dung:

Quyết định số 7920/QĐ-UBND là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định thu hồi đất của UBND huyện P, nên Chủ tịch UBND huyện P ra quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

Về pháp luật áp dụng: Quyết định thu hồi đất đối với ông V được ban hành ngày 27/6/2014 nên Chủ tịch UBND huyện P áp dụng Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn để giải quyết về mặt nội dung và áp dụng Luật đất đai năm 2013 về mặt hình thức là đúng pháp luật.

Nội dung Quyết định 7920/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Bùi

Thanh V thể hiện: "Diện tích đất 6.023,5m^2 của ông V bị thu hồi là đất rừng phòng hộ (theo Quyết định 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang)…Khoảng năm 2009, 2010 ông V vào chiếm đất cất nhà và sử dụng cho đến thời điểm bị thu hồi đất".

Ngày 08/5/2018 Tòa án đã có Yêu cầu số 05/YC-TA, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Thanh V (theo Quyết định số 7920/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Thanh V). Tuy nhiên, tài liệu Chủ tịch UBND huyện P đã cung cấp, không có tài liệu nào xác định ông V bao chiếm đất vào năm 2009, 2010.

Người khởi kiện cung cấp cho Tòa án "Biên bản xác minh" có nội dung bộ đội Tiểu đoàn 565 có chặt trên 200 cây tràm bông vàng khoảng 6 năm tuổi trên đất của bà H khai khẩn. Biên bản do ông Trần Đức T (trưởng ấp 6, nay là khu phố 6, thị trấn A), ông Đặng Đình T (trưởng ban bảo vệ ấp 6, thị trấn A), ông Bùi Hồng N (ấp đội trưởng ấp 6, thị trấn A) tiến hành lập ngày 18/7/2008.

Tòa án đã lấy lời khai của ông Trần Đức T, ông Đặng Đình T, ông Bùi Hồng N, những người này đều xác định: Những cây tràm bông vàng bị Tiểu đoàn 565 chặt vào thời điểm năm 2008 là do bà H trồng từ năm 2002. Phần đất ông V bị thu hồi hiện nay là phần đất có tràm bông vàng bị chặt vào năm 2008 theo Biên bản xác minh ngày 18/7/2008.

Do ông V cung cấp "Tờ cho đất" của bà Phùng Thị H là bản phô tô, nên Tòa án đã tiến hành ghi lời trình bày của bà Phùng Thị H. Tại Biên bản ghi lời trình bày ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bà H đã xác định bà có cho ông V diện tích khoảng 6.000m^2, diện tích đất này vào năm 2008 bị bộ đội Hải quân chặt cây tràm bông vàng, bà có báo với chính quyền địa phương để lập biên bản và nằm trong diện tích 13.000m^2 bà khai khẩn vào năm 1988.

Như vậy, có căn cứ để xác định ông V đã sử dụng diện tích đất này trước ngày 01/7/2004, thuộc nhóm đất nông nghiệp vì vậy cần phải áp dụng điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ để bồi thường, hỗ trợ cho ông Sĩ, cụ thể: *"1. Trường hợp thu hồi đối với đất đã sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau:…c) Trường hợp đất đang sử dụng thuộc*

nhóm đất nông nghiệp mà người đang sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường, hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 của Luật Đất đai và khoản 1 Điều 69 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP;…".

UBND huyện P thu hồi đất của ông V mà không bồi thường, hỗ trợ là trái với quy định của pháp luật đất đai. Nên cần phải hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P.

Đối với yêu cầu của ông V về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông là có cơ sở để chấp nhận. Vì đất của ông V đủ điều kiện để được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất nên cần thiết phải buộc UBND huyện ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông.

Đất của ông V bị thu hồi năm 2014 nhưng đến nay chưa được bồi thường. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, trường hợp của ông V chưa có phương án bồi thường, tái định cư thì phải thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, tái định cư theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Trường hợp chậm bồi thường còn phải áp dụng Điều 93 Luật đất đai năm 2013 để trả lãi cho ông V.

[3] Lẽ ra sau khi hủy quyết định giải quyết khiếu nại, Tòa án phải kiến nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại, nhưng ông V không yêu cầu giải quyết khiếu nại lại, đồng thời đã có yêu cầu buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường nên không cần thiết phải kiến nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại.

[4] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Án phí sơ thẩm:

Ông Bùi Thanh V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông V tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng. Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 18 Luật khiếu nại; điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định

84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh V.

- Hủy Quyết định số 7920/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Thanh V;

- Buộc UBND huyện P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Bùi Thanh V đối với diện tích đất 6.023,5m^2 tọa lạc tại ấp 6 (nay là khu phố 6), thị trấn An Thới, huyện P, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho ông Bùi Thanh V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001013 ngày 03/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Cẩm Thu

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.